

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHONG TRÀO ĐẤU TRANH DU KÍCH Ở TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 1940-1945

NGÔ NGỌC LINH*

1. Với vị trí địa lý đặc biệt, là cửa ngõ giữa miền núi phía Bắc với miền xuôi, Thái Nguyên trở thành vùng đất có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng. Không những vậy, người dân vùng này vốn có truyền thống lao động cần cù, yêu nước và kiên cường trong đấu tranh dựng nước và giữ nước. *"Đây là then chốt của tất cả các con đường thượng du"...*, được coi như là chiếc chìa khóa mở cửa ngõ thượng du... *"Trải qua nhiều thế kỷ, tỉnh này trở thành vùng đệm ngăn ngừa nước Tàu khỏi đe dọa, xâm lược An Nam vào những tỉnh phía Nam của Bắc Kỳ và Trung Kỳ"* (1).

Nhận thức được tầm quan trọng của vùng đất này đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, ngay từ khi mới ra đời, Đảng ta đã cử nhiều cán bộ đến đây tuyên truyền, giác ngộ quần chúng, xây dựng các cơ sở cách mạng. Sự ra đời của cơ sở Đảng đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên ở xã La Bằng (huyện Đại Từ) vào cuối năm 1936 đã đánh dấu bước trưởng thành quan trọng của phong trào cách mạng tỉnh Thái Nguyên.

Từ năm 1939 đến năm 1941, trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới và trong nước, Đảng ta đã kịp thời chỉ đạo chuyển hướng chiến lược cách

mạng. Quá trình chuyển hướng chỉ đạo chiến lược này được thực hiện qua 3 Hội nghị lần thứ 6, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chính những chủ trương, quyết sách được đưa ra từ những hội nghị này đã góp phần tích cực, quyết định đến sự hình thành và phát triển của phong trào cách mạng của quần chúng nói chung và phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên nói riêng.

Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng được triệu tập tại Bà Điểm - Hóc Môn - Gia Định từ ngày mùng 6 đến ngày 8-11-1939 đã khẳng định: *"Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không còn con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp, chống tất cả ách ngoại xâm... Sự bóc lột tàn ác của đế quốc Pháp ở Đông Dương để cung cấp cho chiến tranh sẽ làm cho dân Đông Dương ngày càng cách mệnh hóa. Cuộc cách mệnh đánh đổ đế quốc Pháp của nhân dân Đông Dương nhất định sẽ nổ bùng"* (2). Hội nghị lần thứ 7 của Ban Chấp hành Trung ương diễn ra từ ngày 6 đến ngày 9-11-1940 tại làng Đình Bảng - Từ Sơn - Bắc Ninh đặc biệt nhấn mạnh tới nhiệm vụ: *"Phải lựa chọn người trong các đoàn thể*

* ThS. Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên

động mở rộng các đội tự vệ. Trong giờ tranh đấu quyết liệt này phải trực tiếp võ trang cho dân chúng cùng Đảng tổ chức nhân dân cách mệnh quân, trực tiếp tham gia điều khiển bạo động" (3). Cụ thể hơn, Hội nghị nêu rõ hoạt động của đội du kích là dùng hình thức vũ trang công tác, khi cần thì chiến đấu chống địch khủng bố để bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, phát triển thật sâu rộng các cơ sở cách mạng để xây dựng, mở rộng căn cứ du kích. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 10 đến 19-5-1941 tại Pác Bó, Cao Bằng đã rất nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc và chỉ rõ: "Chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của Đảng ta và dân ta trong giai đoạn hiện tại". Về vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, Hội nghị quyết định cần "phải có những tổ chức tiểu tổ du kích, du kích chính thức và tổ chức binh lính để quốc" (4) và đề ra "Điều lệ của Việt Nam Tiểu tổ du kích quốc" trong đó có quy định nhiều vấn đề như: Phương pháp tổ chức, điều lệ kết nạp đội viên, trách nhiệm, tập luyện, vũ khí, kỹ thuật,... Hội nghị quyết định lấy vùng núi rừng Việt Bắc để xây dựng căn cứ địa vũ trang, mà Cao Bằng và Bắc Sơn - Võ Nhai là hai điểm ở trung tâm và làm bàn đạp phát động đấu tranh vũ trang, thúc đẩy phong trào cách mạng cả nước phát triển. Tóm lại, Hội nghị lần thứ 8 của Ban chấp hành Trung ương Đảng có một ý nghĩa vô cùng quan trọng, nó đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng được vạch ra từ Hội nghị lần thứ 6 (tháng 11 năm 1939).

2. Vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng, ngày 27-9-1940, khởi nghĩa Bắc Sơn bùng nổ. Cuộc khởi nghĩa đã đạt được một số thắng lợi ban đầu nhưng do một số hạn chế nhất định, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đã không giành được thắng lợi cuối cùng. Tuy

nhien, qua cuộc khởi nghĩa, đội du kích Bắc Sơn đã ra đời và được rèn luyện (gồm có một số du kích quân là người Thái Nguyên), khu du kích Bắc Sơn cũng đã hình thành. Đó là cơ sở thuận lợi, là điều kiện tiên quyết đưa đến sự ra đời của căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai và sự ra đời của trung đội Cứu quốc quân I. Tại Hội nghị Trung ương 7 (tháng 11-1940), Đảng ta quyết định đội du kích Bắc Sơn cần phải được duy trì và phát triển, làm lực lượng nòng cốt tiến tới xây dựng căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Trung ương Đảng cũng vạch rõ phương hướng hoạt động của đội du kích là vũ trang công tác, khi cần thì chống địch khủng bố, xây dựng, mở rộng căn cứ địa cách mạng. Thực hiện chủ trương của Đảng, xuất phát từ sự phát triển của lực lượng du kích quân, ngày 1-5-1941 lễ thành lập Trung đội Cứu quốc quân I được tổ chức trọng thể ở Khuổi Nọi (xã Vũ Lễ, châu Bắc Sơn). Như vậy, từ sau Hội nghị Trung ương 7 (tháng 11-1940) đến giữa năm 1941, cuộc đấu tranh của quân và dân Bắc Sơn, Võ Nhai đã đánh dấu một thời kỳ quan trọng - thời kỳ hình thành, phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của Đảng, chuẩn bị những điều kiện cần thiết sẵn sàng đấu tranh vũ trang chống địch khủng bố trong giai đoạn sau.

Trên cơ sở phong trào cách mạng được giữ vững và mở rộng, ngày 15-9-1941, tại rừng Khuôn Mảnh, làng Ngọc Mỹ, xã Tràng Xá, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, Trung đội Cứu quốc quân II được thành lập. Sau khi thành lập, Trung đội Cứu quốc quân II đã có nhiều hoạt động tích cực, trên tất cả các mặt: mở rộng địa bàn hoạt động, huấn luyện chính trị, quân sự và chống địch khủng bố trên căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai. Trong tám tháng đấu tranh không mệt mỏi (từ tháng 7-1941 đến tháng 2-1942), các chiến sỹ trung đội Cứu

quốc quân II đã phối hợp với quân chúng nhân dân chiến đấu trong những điều kiện vô cùng khó khăn, gian khổ, tiêu hao nhiều sinh lực địch, bảo vệ và phát triển lực lượng cách mạng: "*Sự tồn tại của Cứu quốc quân có ý nghĩa quan trọng, thể hiện vai trò lãnh đạo của Đảng, sức mạnh đoàn kết quân, dân và tinh thần cách mạng của đồng bào các dân tộc...*" (5).

Mặt khác, cũng trong thời gian này, nhận thấy ở Phú Bình, Phổ Yên phong trào cách mạng đang lên, cơ sở Đảng và Mặt trận Việt Minh đứng vững, có vị trí thuận lợi, dễ dàng liên lạc với các nơi, Trung ương Đảng đã quyết định lựa chọn vùng tiếp giáp của 3 vùng: Hiệp Hòa (Bắc Giang), Phú Bình, Phổ Yên (Thái Nguyên) để xây dựng khu vực tương đối an toàn gọi là ATK2. Việc xây dựng ATK là nhằm tạo nên một chỗ đứng chân tương đối ổn định cho các tổ chức cách mạng. ATK2 là nơi đặt các cơ quan của Trung ương và Xứ ủy như: cơ sở in tài liệu, Báo "*Cờ giải phóng*" (ở chùa Mai Sơn); nơi cất giữ tài liệu (chùa Kha Sơn Hạ); là đầu mối giao thông liên lạc từ Trung ương, Xứ ủy toà đi các địa phương; là nơi đón, đưa cán bộ từ các tỉnh miền xuôi lên căn cứ địa Việt Bắc và ngược lại; là nơi bố trí nơi ăn, nghỉ và bảo vệ các đồng chí phụ trách phong trào các địa phương về báo cáo với Trung ương và Xứ ủy; đón tiếp các đồng chí bị đế quốc giam giữ trong các nhà lao trốn thoát về với Đảng, với dân; là nơi Trung ương, Xứ ủy mở nhiều lớp huấn luyện chính trị, quân sự cho cán bộ các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ. Để ATK2 hoàn thành nhiệm vụ nặng nề và rất quan trọng nói trên, Trung ương quyết định thành lập Ban cán sự ATK, do đồng chí Ngô Thế Sơn - Xứ ủy viên Xứ ủy Bắc Kỳ, làm Trưởng ban. "Từ ngày được chọn làm nơi xây dựng ATK2, hai huyện Phú Bình và Phổ Yên đã tỏ ra xứng đáng với sự tin cậy của Trung

ương và của Xứ ủy, giữ gìn an toàn cho cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng cho đến ngày Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công" (6).

Phong trào cách mạng phát triển, lực lượng quân du kích tăng nhanh về số lượng, đòi hỏi Cứu quốc quân phải được tổ chức, quản lý chặt chẽ hơn. Được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, ngày 15-2-1944, lễ thành lập Bộ tam trung đội Cứu quốc quân đã được tổ chức trọng thể tại rừng Khuổi Kịch (Sơn Dương - Tuyên Quang). Từ một trung đội với 47 cán bộ, chiến sỹ hoạt động trên một địa bàn nhỏ hẹp của huyện Võ Nhai (Thái Nguyên), Cứu quốc quân đã phát triển thành hai trung đội với hàng trăm đội viên, hoạt động trên địa bàn rộng lớn thuộc các huyện: Võ Nhai, Đình Cả, Đại Từ, Định Hóa, Phú Lương (Thái Nguyên), Bắc Sơn, Bình Gia, Tràng Định (Lạng Sơn), Yên Thế, Hữu Lũng (Bắc Giang), Sơn Dương, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) và Chợ Đồn (Bắc Kạn). Sự trưởng thành nhanh chóng cùng những thắng lợi to lớn mà Cứu quốc quân đã giành được chứng tỏ rằng đường lối cách mạng và sự chỉ đạo xây dựng lực lượng vũ trang cũng như đấu tranh vũ trang của Đảng là hoàn toàn đúng đắn.

3. Qua việc tìm hiểu phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 1940-1945) chúng ta đã thấy được *một số đặc điểm nổi bật* của phong trào đấu tranh du kích nơi đây.

Trước hết, phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên được hình thành dựa trên những cơ sở những điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên phong phú nhưng rất phức tạp cộng với truyền thống đấu tranh dựng nước và giữ nước của nhân dân địa phương tạo điều kiện tốt và thực sự là cơ sở vững chắc cho việc hình thành một phong trào đấu tranh du kích rộng khắp.

Phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên là *phong trào đấu tranh du kích đầu tiên diễn ra trên một phạm vi rộng, có hiệu quả lớn và được Trung ương Đảng trực tiếp chỉ đạo, lãnh đạo*. Thực tế, ngay từ trước khi thành lập căn cứ địa Bắc Sơn - Võ Nhai, Trung ương Đảng ta đã có những chỉ đạo về chủ trương, xác định rõ đường hướng phát triển của các đội du kích cũng như của phong trào đấu tranh này. Mặt khác, ngay từ khi phong trào mới bắt đầu nhen nhóm hình thành và đặc biệt là những lúc phong trào suy thoái, Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc kỳ đều kịp thời đưa ra những chỉ đạo chiến lược, sách lược nhằm vực dậy, phát triển phong trào. Sự chỉ đạo của Trung ương Đảng thể hiện rõ nhất qua những nghị quyết tại các Hội nghị của Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 6, 7, 8. Nhiều cán bộ Trung ương và Xứ ủy đã được cử lên chỉ đạo, hỗ trợ, thậm chí chỉ huy trực tiếp phong trào như: đồng chí Trần Đăng Ninh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Đào Văn Trường, Ngô Thế Sơn, Trần Minh Châu... Nhờ sự chỉ đạo sát sao đó mà phong trào đấu tranh du kích diễn ra trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên luôn đi đúng hướng, có được nhiều thắng lợi.

Những lực lượng du kích ở tỉnh Thái Nguyên (Cứu quốc quân I, II, III) là lực lượng du kích, lực lượng vũ trang đầu tiên hình thành ở Việt Nam đó là một trong những những đội quân tiến thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Thực tiễn cách mạng Việt Nam thời kỳ này cho thấy: đây chính là những lực lượng vũ trang đầu tiên được hình thành, duy trì và phát triển dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ.

Tìm hiểu về phong trào đấu tranh du kích ở tỉnh Thái Nguyên (giai đoạn 1940-1946) chúng ta còn nhận thấy một đặc

điểm quan trọng nữa là: Bên cạnh lực lượng nòng cốt là các trung đội Cứu quốc quân I, II, III thì *những lực lượng vũ trang khác của quân chúng đã được hình thành và đó cũng là những lực lượng quan trọng, tham gia trực tiếp vào phong trào đấu tranh du kích*.

Đến cuối năm 1944, ở hầu hết các xã thuộc địa bàn hoạt động của Cứu quốc quân đều đã tổ chức được các trung đội tự vệ, tiểu đội tự vệ. Lực lượng tự vệ này được Cứu quốc quân huấn luyện về chính trị và quân sự để làm giao thông liên lạc, bảo vệ cơ sở và cán bộ cách mạng, tuyên truyền cách mạng, trừng trị bọn tay sai phản động, tổ chức quần chúng vào các Hội Cứu quốc. Đây là nguồn bổ sung lực lượng rộng lớn của Cứu quốc quân (7).

Tóm lại, dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Xứ ủy Bắc Kỳ, quân và dân tỉnh Thái Nguyên, mà lực lượng Cứu quốc quân là nòng cốt đã tiến hành cuộc đấu tranh du kích chống địch khủng bố hết sức oanh liệt và sôi nổi trên căn cứ địa cách mạng của mình. Cuộc đấu tranh diễn ra vô cùng khốc liệt gian nan bởi thực dân Pháp kiên quyết thực hiện cho kỳ được những âm mưu, thủ đoạn tàn khốc của chúng nhưng kết quả cuối cùng thắng lợi vẫn thuộc về phía chính nghĩa, về phía cách mạng. Đánh giá về phong trào đấu tranh du kích và về Cứu quốc quân ở Thái Nguyên nói riêng, trên địa bàn Việt Bắc, nói chung, cố Tổng Bí thư Lê Duẩn đã viết: *"Sinh ra và lớn dần lên trong phong trào cách mạng rộng lớn của quần chúng, các đội quân Cứu quốc và giải phóng mà thanh thế vượt xa số quân cũng như quy mô những trận chiến đấu của nó, đã góp phần rất quan trọng tạo ra cao trào cứu nước của quần chúng từ 1941 đến 1945"* (8).

(Xem tiếp trang 64)